TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 02/02/2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huê;
2. Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 234/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXX-ST ngày 08/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú: Tổ I, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: A C, Tổ H, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Phạm H, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: Tổ I, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: A C, Tổ H, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Phạm H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2010 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến năm 2023 anh H gây ra nợ dẫn đến không có khả năng thanh toán thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do vậy chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có một con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh

ngày 20/10/2015, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lời khai có tại hồ sơ của bị đơn anh Nguyễn Phạm H thể hiện: Anh H và chị T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn từ năm 2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, do vậy anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh H và chị T có một con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 20/10/2015, anh H đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Quỳnh T ly hôn với anh Nguyễn Phạm H. Về việc nuôi con, giao cho chị T trực tiếp nuôi con là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 20/10/2015. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh T yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Phạm H; nơi đăng ký thường trú: Tổ I, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: A C, Tổ H, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Phạm H có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phạm H và chị Nguyễn Thị Quỳnh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh H và chị T có phát sinh mâu thuẫn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H. Lời khai có tại hồ sơ thể hiện anh H

cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn với anh H.

[4] Về việc nuôi con: Anh H và chị T có một con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 20/10/2015. Anh H và chị T thống nhất giao cho anh chị T trực tiếp nuôi cháu L. Cháu L có nguyện vọng được sống cùng với mẹ; chị T có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con, nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Phạm H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Thị Quỳnh T ly hôn với anh Nguyễn Phạm H.

2. Về việc nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Quỳnh T trực tiếp nuôi con là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 20/10/2015, khi cháu L chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí

đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012916 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Phạm H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 02/02/2024. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường Tây Sơn, thị xã A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch, số 02, số 01/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo